

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 100 CỦA BCĐ CHUYỂN ĐỔI SỐ**  
**TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN ĐỊNH - NĂM 2023.**

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa.

Thực hiện Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa về việc Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa năm 2023; Công văn số 17326/UBND-CNTT ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao hoàn thành các chỉ tiêu chuyển đổi số theo Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh. UBND huyện Yên Định báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

**I. Công tác triển khai thực hiện**

- Trên cơ sở các nhiệm vụ giao theo Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa về việc “Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa năm 2023”. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định xây dựng và ban hành Kế hoạch hoạt động cụ thể trên địa bàn huyện tại số 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023 về việc “Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định năm 2023” đồng thời đã hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch tại Công văn số 08/BCĐ ngày 05/6/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện Yên Định về việc “Hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023”;

- Để đảm bảo đúng tiến độ mục tiêu trong Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa; Kế hoạch số 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023 Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện đã tham mưu ban hành các văn bản triển khai thực hiện, cụ thể như:

*(Kèm theo phụ lục 01: Danh sách các văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch số 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023 của BCĐ CDS huyện Yên Định)*

**II. Kết quả đạt được**

**1. Về phát triển hạ tầng số**

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G được các doanh nghiệp Viễn thông phủ đến 26/26 xã, thị trấn với 149 thôn, khu phố, do đó 100% các hộ gia đình có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ. Việc xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông năm 2023 cụ thể:

+ Hạ tầng viễn thông cố định: Xây dựng mới **32 km cáp viễn thông**.

+ Hạ tầng viễn thông di động: Tổng số cột ăng ten BTS trên địa bàn huyện hiện có là **146 cột**.

- Điểm phát wifi công cộng phục vụ các hoạt động, sinh hoạt cộng đồng của người dân được lắp đặt tại các địa điểm quan trọng trên địa bàn các xã, thị trấn như: Nhà văn hóa, điểm di tích, khu du lịch với tổng số **192 điểm phát/ 26 xã, thị trấn**.

- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng đạt trên **85%**.

- Tổng số **Smartphone** là: **87.478 máy**. Tỷ lệ **65,72%** người trưởng thành có điện thoại thông minh.

- Hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ 03 cấp từ cấp huyện đến cấp xã đến các thôn, khu phố và kết nối với Hệ thống hội nghị trực tuyến tỉnh được duy trì, đảm bảo tỷ lệ 100%

## 2. Về dữ liệu số

- Kết nối kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các cấp được đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

- Trang/Cổng thông tin điện tử tại UBND huyện được đánh giá an toàn thông tin và đã **gắn nhãn tín nhiệm mạng**, 26 Trang/Cổng thông tin điện tử của UBND các xã, thị trấn chưa được đánh giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng.

- **100% các hệ thống thông tin** của cơ quan nhà nước được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ được phê duyệt.

## 3. Về phát triển chính quyền số

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định; đã cử cán bộ tại phòng Văn hóa và Thông tin tham gia thử nghiệm trợ lý ảo phục vụ cán bộ công chức, viên chức.

- Triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, tại UBND huyện đạt tỷ lệ **trên 70%**, tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đang triển khai.

- Hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý đạt **trên 50%**.

- Đảm bảo tỷ lệ **100%** cán bộ công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

- Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt **100%**.

- Sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ

tục hành chính đạt tỷ lệ **trên 98%**.

- Đã thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số cho 26/26 xã, thị trấn được công bố tại **Quyết định số 4416/QĐ-UBND ngày 11/12/2023** của UBND huyện Yên Định về việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số năm 2023 của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Yên Định.

- Triển khai nền tảng số để tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp: Ngoài việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp trên Cổng/ Trang thông tin điện tử của huyện, UBND huyện đã thiết lập kênh giao tiếp chính quyền điện tử với người dân trên nền tảng **zalo OA** tại địa chỉ: <https://zalo.me/3643945834679488734>

- Thực hiện hoàn thành **12 xã, thị trấn chuyển đổi số năm 2023**: Tổ giúp việc BCD của huyện đã kiểm tra hồ sơ của các đơn vị, trình các cấp thẩm định đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

#### **4. Phát triển kinh tế số**

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP trên **16%**

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên **10%**.

- **100%** các phòng, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý.

- **100%** các phòng, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

- Trên **100%** doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số, trên **60%** doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng nền tảng số.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt **50%**.

- Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

- Kết quả thực hiện định lượng trên sàn TMĐT Postmart.vn là: Tổng số sản phẩm OCOP của địa phương là 23; Tổng số sản phẩm lên sàn TMĐT (sản phẩm) là 23. (*UBND huyện đã có Công văn báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông tại số 3633/UBND-VHTT ngày 06/10/2023 của UBND huyện Yên Định về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện việc hỗ trợ đưa sản phẩm nông sản lên sàn thương mại điện tử*)

- Thúc đẩy toàn diện tất cả các phương thức thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt. Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt bằng số tài khoản điện tử, mã QR-code đã được triển khai tại các cơ sở giáo dục, trường

học; các cơ sở y tế, khám chữa bệnh, các bệnh viện; bộ phận Một cửa; các cơ sở kinh doanh trên địa bàn 26/26 xã, thị trấn.

- Triển khai mô hình thanh toán không dùng tiền mặt bằng hình thức Mã quét QR-code tại Bộ phận Một cửa tại UBND huyện và 26 xã, thị trấn, tại các bệnh viện, trung tâm y tế, các trường học, chợ Bản xã Định Long, tại các hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện.

## 5. Phát triển xã hội số

- Duy trì thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về chuyển đổi số đến với các cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân các kiến thức, thông tin về chuyển đổi số trên các kênh thông tin như: các Cổng/Trang thông tin điện tử, các kênh giao tiếp chính quyền điện tử với người dân trên nền tảng zalo OA của các đơn vị, trên hệ thống các đài truyền thanh từ cấp huyện đến cấp xã, ...

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội. Trước hết, giúp người dân biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến; biết mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; biết thanh toán không dùng tiền mặt; biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống (y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du lịch, đọc sách, giải trí,...); biết áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng theo khuyến nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống định danh và xác thực điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Phổ cập danh tính điện tử toàn dân.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử **trên 60%**. Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tỷ lệ **trên 28%**

+ Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác **trên 78%**.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến **trên 60%**.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa **trên 10%**.

+ Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt **trên 96%**.

- Phát triển mô hình chuyển đổi số:

+ Mô hình “*Thứ Hai ngày không viết*”, “*Thứ Sáu ngày không hẹn*” và ứng dụng mã QR - code để tra cứu nhanh thông tin được triển khai đầu tiên tại xã Định Hưng với mục đích giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân được nhanh chóng, chính xác, nâng cao chất lượng cải cách hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; tạo được mối quan hệ thân thiện giữa Chính quyền với Nhân dân nhằm hướng đến xây dựng một “Chính quyền thân thiện vì nhân dân phục vụ” đã được các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tiếp thu và triển khai tại đơn vị.

+ Triển khai thí điểm thành công mô hình “**3 KHÔNG**” tại hai đơn vị xã **Định Hưng** và xã **Định Long**. Được Sở Thông tin và Truyền thông công nhận tại Công văn số **2494/STTTT-CNTT** ngày **06/10/2023**. Thực hiện ra mắt mô hình “**3 KHÔNG**” vào ngày **09/10/2023**; đã tổ chức cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tham quan, học hỏi mô hình triển khai tại xã **Định Hưng** và xã **Định Long** để triển khai nhân rộng trên địa bàn huyện.

## **6. An toàn thông tin mạng**

- Phối hợp triển khai phần mềm bảo vệ ở mức cơ bản, phổ cập kiến thức, kỹ năng về an toàn thông tin mạng cho người dân theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; Tổ chức thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và quần chúng nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của an ninh mạng; hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn, hoạt động các loại tội phạm trên không gian mạng, từ đó ý thức được vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ an ninh mạng và xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh.

- **100% hệ thống thông tin** của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin: Hệ thống thông tin của UBND huyện đã được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ hệ thống thông tin là cấp độ 2 (Quyết định số 485/QĐ-STTTT ngày 31/5/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ tại UBND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa), Hệ thống thông tin của 03 đơn vị sự nghiệp và 26 xã, thị trấn được phê duyệt cấp độ 1.

- Đã thực hiện triển khai các các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. (đã có báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa tại số 471/BC-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện về “Kết quả thực hiện phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin”)

### **Kết quả cụ thể được tổng hợp chi tiết tại phụ lục kèm theo**

*(Kèm theo Phụ lục 02: Kết quả thực các chỉ tiêu theo Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023, trên địa bàn huyện Yên Định năm 2023)*

## **III. Đề xuất, kiến nghị**

1) Các doanh nghiệp Viễn thông - CNTT phải đẩy mạnh làm mới, nâng cấp hạ tầng cơ sở, tăng tốc độ, dung lượng đường truyền băng thông rộng đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, người dân và doanh nghiệp; tổ chức triển khai nhiều hoạt động liên kết, giới thiệu, đồng hành với các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện nhằm thúc đẩy công tác chuyển đổi số trên các lĩnh vực.

2) Thành viên BCĐ chuyển đổi số tinh quan tâm hơn nữa đến nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện Yên Định.

3) Thành viên BCD chuyển đổi số huyện bám sát hơn nữa các đơn vị, lĩnh vực được phân công phụ trách đề đơn đốc, nhắc nhở kịp thời góp phần hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện theo mục tiêu đề ra.

4) Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh hỗ trợ UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện trong việc phê duyệt và gắn nhãn tín nhiệm mạng cho Trang/Cổng thông tin điện tử cấp xã.

5) UBND tỉnh có cơ chế hỗ trợ người dân trong việc cài đặt và duy trì chữ ký số cá nhân.

6) Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp Viễn thông có hướng dẫn cụ thể hơn đối với tiêu chí: Thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản; Hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản.

7) Sở Y tế có hướng dẫn cụ thể hơn đối với tiêu chí: dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

8) Các Sở, Ban, Ngành có liên quan kịp thời có hướng dẫn cụ thể hơn đối với các tiêu chí liên quan để các xã, thị trấn trên địa bàn huyện triển khai thực hiện quả hơn.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa trên địa bàn huyện Yên Định – năm 2023. BCD chuyển đổi số huyện Yên Định báo cáo Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở thông tin và Truyền thông Thanh Hóa để tổng hợp theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND huyện (để b/c);
- Thành viên BCD CDS huyện (để biết);
- (QĐ số 3050/QĐ-UBND ngày 30/8/2023)
- Lưu: VT, VH TT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN  
Lê Xuân Thành**

**Phụ lục 01**  
**Danh sách các văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch số 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023 của BCĐ CDS huyện Yên Định.**

<b>TT</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số, ký hiệu, ngày, tháng năm ban hành</b>
1	Thành lập Đoàn kiểm tra chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn huyện Yên Định năm 2023;	Quyết định số 06/QĐ-BCĐ ngày 23/5/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện.
2	Hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023.	Công văn số 08/BCĐ ngày 05/6/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện.
3	Rà soát, báo cáo các chỉ tiêu, tiêu chí chuyển đổi số do phòng, đơn vị phụ trách;	Công văn số 09/BCĐ ngày 06/6/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện.
4	Đôn đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn các xã, thị trấn năm 2023.	Công văn số 12/BCĐ ngày 23/6/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện.
5	Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành sớm các mục tiêu Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện;	Công văn số 2257/UBND-VHTT ngày 29/6/2023 của UBND huyện.
6	Đẩy mạnh thực hiện phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp và triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số;	Công văn số 2483/UBND-VHTT ngày 14/7/2023 của UBND huyện.
7	Triển khai thực hiện thí điểm Mô hình “03 KHÔNG” trên địa bàn huyện Yên Định;	Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 17/7/2023 của UBND huyện.
8	Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số trên địa bàn huyện;	Công văn số 2527/UBND-VHTT ngày 18/7/2023 của UBND huyện.
9	Kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện Yên Định;	Quyết định số 14/QĐ-BCĐ ngày 20/7/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện.
10	Giao nhiệm vụ thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá Chuyển đổi số huyện Yên Định hằng năm.	Công văn số 38/UBND-VHTT ngày 13/8/2023 của UBND huyện.
11	Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định;	Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND huyện.

12	Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện Yên Định;	Quyết định số 16/QĐ-BCĐ ngày 30/8/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện Yên Định.
13	Về việc thành lập Tổ hướng dẫn hoàn thành hồ sơ chuyển đổi số năm 2023 huyện Yên Định.	Quyết định số 20/QĐ-BCĐ ngày 19/9/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện Yên Định
14	Hỗ trợ các xã, thị trấn hoàn thành các chỉ tiêu chuyển đổi số theo bộ tiêu chí tại Quyết định 1829/QĐUBND ngày 30/5/2023 của chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.	Công văn số 3400/UBND-VHTT ngày 20/9/2023 của UBND huyện.
15	mời kiểm tra, đánh giá thí điểm mô hình “3 KHÔNG” trong chuyển đổi số trên địa bàn xã Định Long, Định Hưng huyện Yên Định.	Công văn số 3467/UBND-VHTT ngày 25/9/2023 của UBND huyện
16	Tổ chức các sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10/2023 trên địa bàn huyện Yên Định.	Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 27/9/2023 của UBND huyện.
17	Hội nghị tập huấn, hướng dẫn đưa sản phẩm OCOPIên sàn thương mại điện tử Postmar.vn, Voso.vn.	Giấy mời số 356/GM-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện.
18	Báo cáo về tình hình thực hiện Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, tháng 10/2023 trên địa bàn huyện;	Công văn số 30/BCĐ ngày 19/10/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện Yên Định.
19	Phát triển hạ tầng số trên địa bàn huyện Yên Định giai đoạn 2023 – 2025.	Kế hoạch Số 189/KH-UBND ngày 09/10/2023 của UBND huyện.
20	Hoàn thiện minh chứng, gửi hồ sơ hoàn thành chuyển đổi số năm 2023 về UBND huyện.	Công văn số 34/CV-BCĐ ngày 06/11/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện.
21	Hướng dẫn đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của UBND cấp xã trên địa bàn huyện Yên Định năm 2023.	Công văn số 4440/CV-BCĐ ngày 23/11/2023 của UBND huyện.
22	Về việc thành lập Tổ đánh giá nội bộ kết quả thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn huyện Yên Định năm 2023.	Quyết định số 35/QĐ-BCĐ ngày 03/12/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện Yên Định.
23	Báo cáo về tình hình thực hiện Kế hoạch số 05/KH-BCĐ ngày 19/5/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Yên Định năm 2023.	Công văn số 38/CV-BCĐ ngày 13/12/2023 của BCĐ chuyển đổi số huyện.
24	Họp Ban Chỉ đạo đánh giá mức độ hoàn	Giấy mời số 36/GM-BCĐ ngày



	thành Chuyển đổi số cấp xã, cấp huyện năm 2023.	04/12/2023 của BCD chuyển đổi số huyện Yên Định.
25	Về việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số năm 2023 của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Yên Định.	Quyết định số 4416/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND huyện Yên Định.

**Phụ lục 02**

**Kết quả thực các chỉ tiêu theo Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023,  
trên địa bàn huyện Yên Định năm 2023.**

<b>STT</b>	<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả đạt được</b>	<b>Cơ quan thực hiện báo cáo</b>
<b>I</b>	<b>Phát triển hạ tầng số</b>		
1	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt trên 80%.		Sở Thông tin và Truyền thông (tổng hợp từ Doanh nghiệp VT-CNTT)
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng đạt trên 85%		Sở Thông tin và Truyền thông (tổng hợp từ Doanh nghiệp VT-CNTT)
3	Tiếp tục đầu tư và duy trì triển khai hạ tầng kỹ thuật phục vụ Hội nghị trực tuyến đồng bộ 03 cấp từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với Hệ thống Hội nghị trực tuyến quốc gia		Sở Thông tin và Truyền thông
4	Xây dựng và từng bước hoàn thiện hạ tầng điện toán đám mây phục vụ nhu cầu chuyển đổi số;		Sở Thông tin và Truyền thông
	Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong một số ngành, lĩnh vực.		Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phủ sóng mạng di động 4G và mạng Internet cáp quang đến 100% trung tâm các thôn/bản trên địa bàn tỉnh		Sở Thông tin và Truyền thông (tổng hợp từ Doanh nghiệp VT-CNTT)
<b>II</b>	<b>Dữ liệu số</b>		

<b>STT</b>	<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả đạt được</b>	<b>Cơ quan thực hiện báo cáo</b>
6	Xây dựng và ban hành được danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; hoàn thành ít nhất 50% tổng số cơ sở dữ liệu dùng chung trong danh mục đã ban hành		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh
7	Hoàn thành việc triển khai cung cấp dữ liệu mở trên địa bàn tỉnh		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh
8	Phân đầu 100% các sở, ngành đủ điều kiện cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh
9	Hoàn thành xây dựng, triển khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo		Sở Thông tin và Truyền thông
10	Triển khai kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các cấp để người dân, doanh nghiệp chỉ phải nhập dữ liệu một lần khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
11	Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	<i>Đang triển khai</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
12	100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, đại học hoàn thành rà soát các chương trình đào tạo để xem xét bổ sung, lồng ghép nội dung, chuẩn đầu ra về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề đào tạo		- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổng hợp số liệu các trường đại học, - Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì tổng hợp số liệu các cơ sở giáo dục nghề

STT	Các chỉ tiêu	Kết quả đạt được	Cơ quan thực hiện báo cáo
			nghị, các trường cao đẳng
13	100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng	<p>- Tại UBND huyện đã được gán nhãn</p> <p>- 26 xã, thị trấn đang triển khai thực hiện</p> <p>(Tỷ lệ 3,7%)</p>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
14	100% các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	100%	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
<b>III</b>	<b>Phát triển chính quyền số</b>		
15	Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử	Đạt	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
16	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 50% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Đạt	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
17	30% thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công; 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	<p>- Tại UBND huyện Trên 70%</p> <p>- Tại UBND các xã, thị trấn: một số</p>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện

<b>STT</b>	<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả đạt được</b>	<b>Cơ quan thực hiện báo cáo</b>
		<i>đơn vị chưa đạt</i>	
18	100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền	<i>Đạt</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
19	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%. Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến từ xa.	<i>Chưa đạt 100% (Trên 83%)</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công; UBND cấp huyện
20	Phần đầu trên 30% các sở, ngành; huyện, thị xã, thành phố triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân	<i>Đang tham gia thử nghiệm</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
21	Phần đầu trên 30% các sở, ngành; huyện, thị xã, thành phố triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật	<i>Đạt</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
22	Trên 30% hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	<i>Đạt trên 30%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
23	100% cán bộ công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	<i>Đạt 100%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
24	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt 100%		Văn phòng UBND tỉnh

<b>STT</b>	<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả đạt được</b>	<b>Cơ quan thực hiện báo cáo</b>
25	Tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	<i>Đạt trên 98%</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công; UBND cấp huyện
<b>IV</b>	<b>Phát triển Kinh tế số</b>		
26	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP trên 16%		Cục Thống kê
27	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 10%		Sở Công Thương
28	100% các sở, ngành; huyện, thị xã, thành phố ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý	<i>Đạt 100%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
29	100% các sở, ngành, địa phương triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục thuộc phạm vi quản lý	<i>Đạt 100%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
30	Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số, trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng nền tảng số	<i>Đạt trên 90%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
31	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50%	<i>Đạt trên 50%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
32	Xây dựng thí điểm được mô hình chuyển đổi số ở một số ngành, lĩnh vực		Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>V</b>	<b>Xây dựng xã hội số</b>		

<b>STT</b>	<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả đạt được</b>	<b>Cơ quan thực hiện báo cáo</b>
33	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 30%	<i>Đạt trên 60%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
34	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân trên 30%	<i>Đạt trên 28% (Dưới 30%)</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
35	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác trên 75%	<i>Đạt trên 75%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
36	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%	<i>Đạt trên 70%</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công; UBND cấp huyện
37	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên 30%	<i>Đạt trên 30%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
38	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%	<i>Đạt trên 96%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
<b>VI</b>	<b>An toàn, an ninh mạng</b>		
39	100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	<i>100%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
40	100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	<i>100%</i>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
41	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản trên 50%		Sở Thông tin và Truyền thông (tổng hợp từ Doanh nghiệp VT-CNTT)
42	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đạt	<i>Đạt trên 50%</i>	UBND cấp huyện

STT	Các chỉ tiêu	Kết quả đạt được	Cơ quan thực hiện báo cáo
	trên 50%		
43	70% trường tiểu học, THCS, THPT và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.	<i>Đạt trên 70%</i>	UBND cấp huyện